TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11-6-2024
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân, ông Nguyễn Hữu Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ *, phường NTH, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

- Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ Tr, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ *, phường NTH, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Anh Tr hiện đang chấp hành án tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: UBND phường NTH, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Ngọc Gi - Chức vụ: Chủ tịch UBND phường NTH, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Các đương sự vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh L trình bày:

Chị kết hôn với và anh Nguyễn Sỹ Tr (sinh ngày 17/3/1980), được tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường NTH, thành phố Yên Bái vào ngày 12/11/1998. Tại thời điểm kết hôn anh Tr chưa đủ 20 tuổi, chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình nên khi kê khai đăng ký kết hôn, anh Tr đã khai anh sinh năm 1976. Cán bộ đăng ký đã ghi thông tin theo lời trình bày của anh Tr, cùng ngày, UBND phường NTH cấp giấy chứng nhận kết hôn cho vợ chồng anh chị. Do đó, trên giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường NTH, thành phố Yên Bái cấp thể

hiện anh Nguyễn Sỹ Tr sinh ngày 17/3/1976. Thực tế các giấy tờ như giấy khai sinh, các giấy tờ cá nhân của anh Tr đều thể hiện ngày tháng năm sinh theo thông tin đúng của anh Tr là ngày 17/3/1980.

Sau khi kết hôn, chị và anh Tr chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr chơi bời, đánh bạc không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chị và các con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Đến ngày 24/8/2023, anh Tr đến nhà bố mẹ đẻ chị vay tiền nhưng bố mẹ chị không đồng ý nên anh Tr đã giết bố mẹ chị. Ngày 28/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã xử phạt anh Tr tù chung thân về tội Giết người. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr

Về con chung: chị và anh Tr có 02 con: Nguyễn Thị Nhật Q, sinh ngày 27/5/2001 và Nguyễn Hải S, sinh ngày 04/6/2013. Hiện cháu Quỳnh đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Nguyễn Sỹ Tr, thể hiện:

Anh kết hôn với chị Phạm Thị Thanh L ngày 12-11-1998, tại UBND phường NTH, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh chưa đủ tuổi kết hôn nên đã kê khai anh sinh ngày 17/3/1976 để đủ điều kiện đăng ký kết hôn, thực tế các giấy tờ của anh như giấy khai sinh và các giấy tờ cá nhân khác đều thể hiện ngày tháng năm sinh thật là ngày 17/3/1980. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, chị L tự ý bỏ nhà đi làm ăn mà không bàn bạc thống nhất với anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh L.

Về con chung: Anh xác định có 02 con: Nguyễn Thị Nhật Q, sinh ngày 27/5/2001 và Nguyễn Hải S, sinh ngày 04/6/2013. Cháu Quỳnh đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, hiện anh đang chấp hành bản án chung thân, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con nên anh đồng ý với yêu cầu nuôi con của chị L.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang chấp hành án bản án Chung thân về tội Giết người tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 21 tháng 5 năm 2024, ông Bùi Ngọc Gi – Chủ tịch UBND phường NTH, thành phố Yên Bái trình bày:

Qua tra soát tài liệu, hồ sơ lưu trữ tại UBND phường NTH, thành phố Yên Bái hiện không còn lưu trữ hồ sơ đăng ký kết hôn của chị Phạm Thị Thanh L và anh Nguyễn Sỹ Tr. Theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 được lập từ ngày 01/01/1998 hiện đang lưu giữ tại UBND phường NTH thành phố Yên Bái thể hiện: Anh Nguyễn Sỹ Tr – sinh năm 1976 và chị Phạm Thị Thanh L- sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 29, Lương Thịnh, Trấn Yên, đăng ký kết hôn tại UBND phường NTH, thành phố Yên Bái vào ngày 12/11/1998, có chữ ký của anh Tr và chị L. Cùng ngày, anh

chị đã được UBND phường NTH, thành phố Yên Bái cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 quyển số 01 Mẫu TP/HT6. Qua tra soát thông tin căn cước của anh Nguyễn Sỹ Tr thể hiện anh Nguyễn Sỹ Tr sinh ngày 17/3/1980. Như vậy, tại thời điểm anh Tr kết hôn với chị L tại UBND phường thì anh Tr chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn anh Tr, các bên đã đủ điều kiện về tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Sỹ Tr có hộ khẩu thường trú tại phườngNguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Thanh L kết hôn với anh Nguyễn Sỹ Tr ngày 12-11-1998, tại UBND phường NTH, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm anh chị đăng ký kết hôn, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 đang có hiệu lực pháp luật. Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu thể hiện anh Nguyễn Sỹ Tr sinh ngày 17/3/1980. Như vậy, anh Tr chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Thời điểm anh Tr đủ tuổi kết hôn được xác định là từ ngày 18/3/1999, anh Tr, chị L có đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm các 6,7 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp từ thời điểm anh Tr có đủ tuổi kết hôn tính từ ngày 18/3/1999.

Anh chị đều xác định quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Chị L trình bày: chị và anh Tr chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr chơi bời, đánh bạc không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chị và các con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Đến ngày 24/8/2023, anh Tr đến nhà bố mẹ đẻ chị vay tiền nhưng bố mẹ chị không đồng ý nên anh Tr đã giết bố mẹ chị. Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã xử phạt anh Tr tù chung thân về tội giết người. Anh Tr trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, chị L tự ý bỏ nhà đi làm ăn mà không bàn bạc thống nhất với anh. Anh chị đều xác nhận vợ chồng không còn sống chung và tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Tr đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình quy định đối với trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên không đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó đủ điều kiện kết hôn theo quy định Tại điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa

án xử lý như sau: *"c) Trường hợp hai bên cùng yêu cầu tòa án cho ly hôn hoặc một bên yêu cầu ly hôn, còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.."*. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Anh chị đều xác nhận có 02 con chung: Nguyễn Thị Nhật Q, sinh ngày 27/5/2001 và Nguyễn Hải S, sinh ngày 04/6/2013. Cháu Q đã trưởng thành, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị đề nghị để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, anh Tr không cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang chấp hành bản án chung thân nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Hải S cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với ý chí của các đương sự, nguyện vọng của cháu S và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Thanh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Sỹ Tr.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Phạm Thị Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Nguyễn Hải S, sinh ngày 04/6/2013, cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: AA/2023/00001832 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P. Nguyễn Thái Học, TP Yên Bái
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Nguyễn Thị Văn